

# **Tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc trong pháp luật một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam**

07/11/2025 14:21

(kiemsat.vn)

**Nghiên cứu pháp luật quốc tế và tham khảo kinh nghiệm lập pháp nước ngoài để hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc là cần thiết và đáp ứng yêu cầu thực tiễn về thu hồi tài sản tham nhũng.**

Tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc là biện pháp được pháp luật quốc tế khuyến nghị và được sử dụng bởi nhiều quốc gia, khu vực như: Liên bang Úc, Thụy Sĩ và Hồng Kông... Biện pháp này góp phần nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng. Do đó, nghiên cứu pháp luật quốc tế và tham khảo kinh nghiệm lập pháp nước ngoài để hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc là cần thiết và đáp ứng yêu cầu thực tiễn về thu hồi tài sản tham nhũng.

Thu hồi tài sản tham nhũng thông qua tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc là việc các cơ quan có thẩm quyền tịch thu những tài sản mà người bị nghi ngờ không chứng minh được nguồn gốc hợp pháp, dựa trên sự chênh lệch giữa thu nhập hoặc sự giàu có hợp pháp của một người. Cơ chế này được áp dụng đối với những người có một số nghi ngờ hợp lý là có liên kết với tội phạm. Tùy thuộc vào pháp luật của các quốc gia mà mối liên hệ này có thể được chứng minh bằng việc kết án bị cáo hoặc các thành viên gia đình hoặc cộng sự thân thiết của họ hoặc bằng chứng cho thấy sự tham gia vào các hoạt động tội phạm bị nghi ngờ hoặc mối quan hệ chặt chẽ với những người bị nghi ngờ đã thực hiện hành vi phạm tội. Đây là hình thức được sử dụng rất phổ biến tại Vương quốc Anh, Úc, Ireland, Thụy Sĩ, Columbia và Hồng Kông....

Ưu điểm của biện pháp tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc là góp phần giảm bớt gánh nặng chứng minh cho cơ quan có thẩm quyền về mối liên hệ giữa tài sản bị tình nghi và hành vi phạm tội hoặc với một lợi ích do phạm tội mà có bằng việc chuyển trách nhiệm chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản cho người bị tình nghi, qua đó giúp tăng đáng kể hiệu quả tịch thu tài sản.

Các quốc gia đã áp dụng lệnh tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc cho rằng, tịch thu tài sản này dựa trên hành động dân sự và tiêu chuẩn tố tụng dân sự được áp dụng trong quá trình chứng minh, đó là tiêu chuẩn về sự cân bằng của các xác suất. Theo đó, Công tố viên được yêu cầu thiết lập căn cứ chứng minh rằng thu nhập hợp pháp của một công chức không thể giải thích được sự gia tăng tài sản hoặc chi tiêu của họ. Trách nhiệm chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản thuộc về người phạm tội, nếu họ thất bại trong việc chứng minh thì Tòa án sẽ tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc.

Một trong những vấn đề nhận được nhiều sự quan tâm của cộng đồng quốc tế đối với hoạt động tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc là việc tuân thủ quyền con người, vì các cuộc điều tra, truy tố chống tham nhũng, chống rửa tiền và thu hồi tài sản có thể dẫn đến xâm phạm các quyền con người, như quyền sống, quyền tự do, quyền được xét xử công bằng, quyền cầm tra tấn và ngược đãi. Năm 2022, Văn phòng cao ủy nhân quyền Liên hợp quốc (OHCHR) đã ban hành 09 nguyên tắc khuyến nghị về nhân quyền đối với thu hồi tài sản, để hỗ trợ hợp tác quốc tế trong bối cảnh thu hồi tài sản bằng việc nêu cách tiếp cận dựa trên quyền con người đối với việc thu hồi và trả lại tiền thu được từ tham nhũng. Để đảm bảo trong quá trình tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc, những giả định mà cơ quan công tố và Tòa án đưa ra không vi phạm các bảo đảm Hiến pháp về suy đoán vô tội, Công tố viên phải đưa ra bằng chứng thiết lập các yếu tố cấu thành tội phạm làm cơ sở cho giả định; về phía người bị buộc tội, họ có quyền và nghĩa vụ đưa ra giải thích hợp lý hoặc đáng tin cậy để bác bỏ giả định.

## **1. Pháp luật quốc tế và một số quốc gia trên thế giới về tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc**

*- Quy định của pháp luật quốc tế:*

Điều 20 Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) và Điều 12.7 Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC) khuyến nghị các quốc gia thành viên ban hành các quy định cho phép thu hồi tài sản không chứng minh được nguồn gốc bằng cách áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác theo hướng quy định là tội phạm, nếu được thực hiện một cách cố ý, hành vi làm giàu bất hợp pháp; nghĩa là việc tài sản của một công chức tăng đáng kể so với thu nhập hợp pháp và họ không giải thích được một cách hợp lý về lý do tăng đáng kể đó.

Ngoài ra, Điều 31.8 UNCAC và Điều 12.7 UNTOC khuyến nghị các quốc gia thành viên có thể xem xét khả năng yêu cầu người có hành vi phạm tội phải chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản bị cho là do phạm tội mà có hoặc tài sản khác chịu tịch thu, trong chừng mực mà yêu cầu này phải tuân theo các nguyên tắc căn bản của pháp luật quốc gia, với tính chất của hoạt động xét xử và các hoạt động tố tụng khác.

*- Kinh nghiệm pháp lý của Liên bang Úc, Thụy Sĩ và Hồng Kông:*

Với việc xác định thu hồi tài sản là một trong những mục tiêu của hoạt động đấu tranh chống tham nhũng, Liên bang Úc, Thụy Sĩ và Hồng Kông đã xây dựng khung chính sách hoàn chỉnh về thu hồi tài sản tham nhũng phù hợp với tinh thần của pháp luật quốc tế. Với Liên bang Úc, biện pháp thu hồi tài sản không chứng minh được nguồn gốc được quy định tại Đạo luật thu nhập từ hành vi phạm pháp năm 2002 (POCA); tại Thụy Sĩ biện pháp này được ghi nhận tại Bộ luật Hình sự (SCC), Bộ luật Tố tụng hình sự (SCCrP) và Đạo luật liên bang về phong tỏa và hoàn trả tài sản bất hợp pháp bị nắm giữ bởi người nước ngoài có liên quan đến chính trị (hay còn

gọi là Đạo luật về tài sản bất hợp pháp của nước ngoài - FIAA); tại Hồng Kông, biện pháp này được ghi nhận trong Pháp lệnh phòng, chống hối lộ (PBO).

*Một là*, biện pháp tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc được áp dụng đối với người bị tình nghi đã thực hiện hành vi phạm tội và tài sản bị tịch thu được xác định có liên quan đến hành vi phạm tội nhất định.

Đạo luật thu nhập từ hành vi phạm pháp năm 2002 (POCA) của Liên bang Úc quy định: Lệnh tài sản không giải thích được nguồn gốc (unexplained wealth order) là một lệnh yêu cầu một người phải trả một khoản tiền bằng rất nhiều tổng tài sản của người đó vì Tòa án cho rằng tài sản của người đó không có nguồn gốc hoặc nhận trực tiếp hoặc gián tiếp từ một số hành vi phạm tội nhất định (Điều 179A). Ngoài ra, Đạo luật POCA Liên bang Úc yêu cầu khi làm đơn xin lệnh tài sản không giải thích được nguồn gốc, cơ quan có thẩm quyền phải nêu rõ trong đơn là có nghi ngờ toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào của tài sản của nghi phạm có nguồn gốc từ một hành vi phạm tội có liên quan (Điều 14G.4).

Đạo luật về tài sản bất hợp pháp của nước ngoài (FIAA) của Thụy Sĩ quy định: Việc tăng tài sản sẽ được xem là quá mức khi có sự không cân xứng đáng kể, không phù hợp với kinh nghiệm thông thường và hoàn cảnh phổ biến trong nước, giữa thu nhập hợp pháp mà người có quyền định đoạt tài sản kiếm được và sự gia tăng tài sản của người đó (Điều 15.2 FIAA). Ngoài ra, Đạo luật FIAA của Thụy Sĩ quy định phong tỏa, tịch thu và bồi thường tài sản do những người tiếp xúc chính trị nước ngoài hoặc các cộng sự thân cận của họ nắm giữ, nếu có lý do để cho rằng những tài sản đó có được thông qua các hành vi tham nhũng, quản lý hình sự yếu kém hoặc bởi các trọng tội khác (Điều 1).

Pháp luật Hồng Kông quy định là tội phạm đối với hành vi làm giàu bất hợp pháp. Theo đó, Pháp lệnh phòng, chống hối lộ (PBO) quy định Tội sở hữu tài sản không giải thích được nguồn gốc là bất kỳ người nào, đang hoặc đã từng là người

điều hành hoặc một viên chức thỏa mãn điều kiện: (a) Duy trì mức sống cao hơn mức tương xứng với thù lao chính thức hiện tại hoặc quá khứ của người đó; hoặc (b) Kiểm soát các nguồn lực tiền bạc hoặc tài sản không tương xứng với thù lao chính thức hiện tại hoặc quá khứ của người đó, trừ khi người đó đưa ra lời giải thích thỏa đáng cho Tòa án về cách có thể duy trì mức sống này hoặc làm thế nào các nguồn lực hoặc tài sản bằng tiền đó nằm dưới sự kiểm soát của họ (Điều 10.1). Đặc biệt, pháp luật Hồng Kông quy định cho phép biện pháp tịch thu được áp dụng hồi tố ngay cả khi công chức đã nghỉ hưu trước khi đạo luật có hiệu lực thi hành. Ví dụ: Một nhân viên cảnh sát đã nghỉ hưu tên là Peter, trong khoảng thời gian làm cảnh sát, người đó và vợ đã tích lũy một lượng tài sản không cân xứng và bị tình nghi là có nguồn gốc bất hợp pháp. Peter đã bị Tòa án sơ thẩm tuyên phạm tội làm giàu bất chính và bị tịch thu tài sản làm giàu bất hợp pháp. Peter đã kháng cáo bản án của Tòa án với lập luận rằng các điều khoản làm giàu bất hợp pháp không thể được áp dụng cho Peter vì Peter đã nghỉ hưu 02 năm trước khi các điều khoản này có hiệu lực. Tòa phúc thẩm và Hội đồng cơ mật tại Lai Man-Yau đã xem xét đơn kháng cáo và đều đưa ra phán quyết bác kháng cáo của anh ta, với lập luận rằng vì các luật này áp dụng cho bất kỳ ai, đang hoặc đã là một công chức nhà nước, đã tích lũy tài sản không cân xứng, đồng nghĩa với việc bao gồm các cá nhân đã từng là công chức ngay cả trước khi luật được ban hành.

*Hai là*, trách nhiệm chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản thuộc về người bị buộc tội, Tòa án ra lệnh tịch thu nếu người bị tình nghi không chứng minh được các tài sản bị tình nghi là có nguồn gốc hợp pháp.

Pháp luật của Liên bang Úc quy định: Tòa án ra “lệnh sơ bộ không giải thích được” (preliminary unexplained wealth order) khi: (1) Cơ quan có thẩm quyền thu hồi tiền thu được từ tội phạm gửi đơn yêu cầu Tòa án áp dụng lệnh tài sản không giải thích được; và (2) Tòa án cho rằng cơ quan yêu cầu có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tổng tài sản của người bị yêu cầu vượt quá giá trị tài sản của người đó đã có được một

cách hợp pháp; và (3) Cơ quan yêu cầu áp dụng lệnh tài sản không giải thích được (Điều 179E 1 POCA). Theo lệnh sơ bộ không giải thích được, Tòa án yêu cầu người bị buộc tội tham dự phiên điều trần để Tòa án quyết định có áp dụng lệnh tài sản không giải thích được đối với người đó hay không (Điều 179A POCA). Một khi việc truy tố cho thấy có cơ sở hợp lý để nghi ngờ rằng tổng tài sản của người bị nghi ngờ vượt quá tài sản có được hợp pháp của họ, người bị nghi ngờ phải đưa ra bằng chứng để thuyết phục Tòa án rằng sự giàu có không giải thích được không xuất phát từ một số hành vi phạm tội nhất định (Điều 179E 3 POCA). Tòa án sẽ ra lệnh tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc hoặc buộc một người phải trả một khoản tiền bằng với số tiền không giải thích được nguồn gốc, nếu Tòa án đáp ứng các điều kiện, gồm: (1) Tòa án đã đưa ra một lệnh sơ bộ về tài sản không giải thích được liên quan đến người bị tình nghi; và (2) Tòa án cho rằng toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào của tài sản của người bị tình nghi không có nguồn gốc trực tiếp hoặc gián tiếp từ một hành vi phạm tội chống lại luật của khối thịnh vượng chung; một tội phạm có thể bị truy tố ở nước ngoài; một hành vi phạm tội có liên quan của một quốc gia tham gia; một hành vi phạm tội của tiểu bang có khía cạnh liên bang; một vi phạm lãnh thổ (Điều 179E POCA).

Pháp luật của Thụy Sĩ quy định: Tòa án đưa ra giả định về nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản nếu đáp ứng 02 điều kiện: (1) Sự giàu có của cá nhân hoặc chủ sở hữu hưởng lợi của tài sản tăng lên quá mức; và (2) Quốc gia xuất xứ hoặc xung quanh người được đề cập có mức độ tham nhũng nghiêm trọng trong nhiệm kỳ của người được đề cập (Điều 15(1) FIAA). Trong đó, sự gia tăng tài sản là quá mức khi có sự không cân xứng đáng kể, không phù hợp với kinh nghiệm thông thường và hoàn cảnh phổ biến trong nước, giữa thu nhập hợp pháp mà người có quyền định đoạt tài sản kiếm được và sự tăng trưởng của cái của người đó (Điều 15(2) FIAA). Người bị tình nghi có trách nhiệm chứng minh nguồn gốc của tài sản là hợp pháp, nếu họ thất bại

trong việc chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản thì tài sản sẽ bị tịch thu (Điều 15(3) FIAA).

Tương tự như tinh thần của pháp luật Liên bang Úc và Thụy Sĩ, pháp luật của Hồng Kông cũng quy định người bị buộc tội có trách nhiệm chứng minh đối với cáo buộc về hành vi làm giàu bất chính của cơ quan có thẩm quyền (Mục 24 PBO). Trừ khi người đó đưa ra một lời giải thích thỏa đáng cho Tòa án về cách họ có thể duy trì mức sống này hoặc làm thế nào các nguồn lực hoặc tài sản bằng tiền đó thuộc sự kiểm soát của họ (Điều 10.1 PBO). Tòa án ra lệnh tịch thu bất kỳ tài sản nào của người bị kết án, nếu: (1) Tài sản đó được tìm thấy tại phiên tòa nằm trong tầm kiểm soát của người bị kết án theo Mục 10 PBO; và (2) Số tiền không vượt quá giá trị của các tài sản mà người bị kết án mua lại, khi các tài sản mua lại đó không chứng minh được với Tòa án về nguồn gốc hợp pháp (Mục 12AA PBO).

Như vậy, pháp luật quốc tế khuyến nghị các quốc gia thành viên ghi nhận và cho phép tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc. Hiện nay, Việt Nam không có quy định về tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc, điều này ít nhiều gây khó khăn cho công tác chứng minh tài sản tham nhũng, cũng như hoạt động hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng do thiếu tính tương đồng trong quy định của pháp luật về thu hồi tài sản tham nhũng giữa Việt Nam với các nền tài phán khác. Do đó, tác giả cho rằng cần nội luật hóa một phần quy định của Điều 20 UNCAC, toàn bộ Điều 31 (8) UNCAC và tham khảo kinh nghiệm của Liên bang Úc, Thụy Sĩ và Hồng Kông, theo hướng: Những người bị buộc tội về tham nhũng, chức vụ thì họ và người thứ ba có liên quan đang quản lý tài sản bị tình nghi có trách nhiệm chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản bị tình nghi trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, nếu người bị buộc tội không chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của tài sản thì tài sản bị tình nghi sẽ bị tịch thu. Cơ sở cho việc thực hiện điều này xuất phát từ những lý do sau đây:

*Thứ nhất*, về yêu cầu đảm bảo nhân quyền trong hoạt động tố tụng hình sự, đó là việc người bị buộc tội được pháp luật bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản, đồng nghĩa với việc họ sẽ không bị tịch thu tài sản nếu họ có căn cứ chứng minh tài sản của họ là hợp pháp.

*Thứ hai*, xuất phát từ nguyên tắc chung “maxim ex turpi causa non oritur action” (không ai có thể dựa vào quyền sở hữu bất hợp pháp đối với tài sản), nên họ chỉ được pháp luật bảo vệ khi sở hữu tài sản hợp pháp.

*Thứ ba*, xuất phát từ yêu cầu về kê khai thu nhập tài sản hàng năm của cán bộ, công chức, theo đó, cán bộ, công chức có nghĩa vụ chứng minh thu nhập của họ tại các bản kê khai thu nhập, nên những tài sản mà họ không liệt kê trong bản kê khai thu nhập hay được liệt kê mà không chứng minh được nguồn gốc hợp pháp, thì các cơ quan tiến hành tố tụng có quyền đặt giả định là tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp để yêu cầu người bị buộc tội về các hành vi tham nhũng, chức vụ phải có nghĩa vụ chứng minh, nếu không chứng minh được thì tài sản sẽ bị tịch thu. Việc quy định như trên sẽ giúp giảm gánh nặng chứng minh của các cơ quan tiến hành tố tụng, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi khi tịch thu tài sản không chứng minh được nguồn gốc trong quá trình giải quyết các vụ án tham nhũng, chức vụ.

*Thứ tư*, việc quy định như trên thể hiện Việt Nam thực hiện yêu cầu của pháp luật quốc tế về chống tham nhũng nói chung, thu hồi tài sản tham nhũng nói riêng, đảm bảo pháp luật về thu hồi tài sản của Việt Nam tiệm cận với chuẩn mực chung của cộng đồng quốc tế, từ đó mở ra cơ hội hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng với các quốc gia.

## **2. Một số hạn chế, bất cập của pháp luật Việt Nam về thu hồi tài sản tham nhũng và đề xuất, kiến nghị hoàn thiện**

- *Một số bất cập, hạn chế:*

*Một là*, việc thu hồi tài sản tham nhũng chủ yếu được thực hiện thông qua hình thức kết án hình sự, tức là thu hồi tài sản đối với tội phạm đã bị kết án, nên không thể thu hồi tài sản tham nhũng trong trường hợp vụ án bị đình chỉ giải quyết do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, tội phạm đã được đại xá, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết hay bị cáo được tuyên không có tội do hành vi không cấu thành tội phạm. Bên cạnh đó, quá trình này sử dụng các quy định về điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, chủ yếu tập trung vào việc chứng minh tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội, với nghĩa vụ chứng minh thuộc về các cơ quan tố tụng, ngay cả mục tiêu thu hồi tài sản cũng chỉ đạt được nếu các cơ quan tố tụng chứng minh những tài sản của người bị kết án có nguồn gốc từ hành vi phạm tội.

*Hai là*, Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) hiện hành chưa có quy định về việc thu hồi tài sản tham nhũng trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự. Do đó, trong quá trình xác minh, các cơ quan tiến hành tố tụng xác định có tài sản tham nhũng, nhưng do thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 157 BLTTHS năm 2015 như: Hành vi không cấu thành tội phạm; đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, tội phạm đã được đại xá; người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác..., nên các cơ quan tiến hành tố tụng đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, thì chưa có quy định làm cơ sở cho việc thu hồi tài sản tham nhũng.

*Ba là*, đối với thủ tục khởi kiện dân sự trong vụ án hình sự, để yêu cầu thu hồi tài sản, trách nhiệm chứng minh yêu cầu bồi thường, hoàn trả tài sản thuộc về cơ quan, tổ chức bị thiệt hại. Điều này cũng gây ra khó khăn cho cơ quan, tổ chức khi đưa ra yêu cầu dân sự về thu hồi tài sản đã bị chiếm đoạt.

*Bốn là*, liên quan đến yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại hay có tài sản bị chiếm đoạt bởi hành vi tham nhũng thông thường chính là cơ quan, tổ chức nơi người tham nhũng đã hoặc đang công tác, làm việc và những cơ quan, tổ chức này cũng gặp không ít khó khăn trong việc xác định số tiền đã bị chiếm đoạt, nên việc pháp luật hình sự giao cho họ quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường và cung cấp tài liệu chứng minh cho yêu cầu của họ là thiếu khả thi trên thực tế. Do đó, cần thiết quy định một cơ quan đại diện cho các cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do hành vi tham nhũng có trách nhiệm khởi kiện để thu hồi tài sản tham nhũng.

*- Đề xuất, kiến nghị:*

*Một là*, nghiên cứu bổ sung điểm r khoản 2 Điều 41 BLTTHS năm 2015 theo hướng quy định Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm đề ra yêu cầu tịch thu tài sản do phạm tội mà có và là cơ quan đại diện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định quyền đối với tài sản, chủ sở hữu của tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại để thu hồi tài sản tham nhũng trong các vụ án hình sự. Viện kiểm sát là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát toàn bộ quá trình giải quyết vụ án hình sự từ giai đoạn giải quyết nguồn tin đến thi hành án và xuyên suốt quá trình tố tụng, đại diện cho Nhà nước thực hiện chức năng buộc tội. Do đó, việc giao quyền và nhiệm vụ cho Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án thu hồi tài sản tham nhũng, một mặt đảm bảo quá trình thu hồi diễn ra liên tục, sẽ không xảy ra trường hợp Tòa án không thu hồi tài sản khi không có đơn yêu cầu của cơ quan, tổ chức bị thiệt hại, mặt khác, với chức năng của mình, Viện kiểm sát có thể trực tiếp thu thập tài liệu, chứng cứ phục vụ cho mục đích thu hồi tài sản tham nhũng. Từ đó đảm bảo yêu cầu thu hồi tài sản của Viện kiểm sát là có cơ sở, nâng cao chất lượng thu hồi tài sản tham nhũng. Cụ thể:

“2. Khi thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự, Viện trưởng Viện kiểm sát có những nhiệm vụ: ....

r. Đề ra yêu cầu tịch thu tài sản do phạm tội mà có và đại diện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định quyền đối với tài sản, chủ sở hữu của tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại để thu hồi tài sản tham nhũng trong các vụ án hình sự...”.

*Hai là*, nghiên cứu bổ sung 01 điều luật trong BLTTHS năm 2015 theo hướng quy định việc yêu cầu về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Viện kiểm sát nhân dân được thực hiện ngay cả khi kết thúc xác minh nguồn tin về tội phạm, cơ quan tiến hành tố tụng ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự và trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự; yêu cầu của Viện kiểm sát vẫn tiếp tục được Tòa án giải quyết trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, nếu có căn cứ chứng minh tài sản bị tình nghi là tài sản do phạm tội mà có.

*Ba là*, cần nghiên cứu bổ sung quy định trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, người bị buộc tội và người đang chiếm giữ tài sản bị tình nghi là do phạm tội mà có có trách nhiệm chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản bị Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án tịch thu. Khi Tòa án xem xét đơn yêu cầu thu hồi tài sản của Viện kiểm sát, nếu người bị buộc tội không chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của tài sản bị tình nghi là do phạm tội mà có thì Tòa án sẽ ra quyết định tịch thu phần tài sản đó.p

**Lê Tiến Sinh**

---

**Tài liệu tham khảo:**

1. Federal Act on the Freezing and the Restitution of Illicit Assets held by Foreign Politically Exposed Persons (Foreign Illicit Assets Act, FIAA) Switzerland.

2. Jean-Pierre Brun, Jeanne Hauch, Rita Julien, Jeffrey Owens, Yoonhee Hur (2023), Unexplained wealth orders: Toward a new frontier in asset recovery, star, p.16.

3. Jean-Pierre Brun, Larissa Gray, Clive Scott, Kevin M. Stephenson, Cẩm nang về thu hồi tài sản - Hướng dẫn dành cho người thực hiện, 2015, Vụ hợp tác quốc tế - Thanh tra Chính phủ (dịch), Nxb. Lao động, tr.128.

4. Kevin M. Stephenson, Larissa Gray, Ric Power, Jean-Pierre Brun, Gabriele Dunker, Melissa Panjer (2011), Barriers to Asset Recovery: An analysis of the key barriers and recommendations for action, World Bank & UNODC, p.63.

5. Levi, Michael and Lisa Osofsky (1995), Investigating, seizing and confiscating the proceeds of crime. London Police Research Group: Crime Detection and Prevention Series, paper 61, p.20.

6. Prevention of Bribery Ordinance (PBO) Hong Kong (Pháp lệnh về ngăn ngừa tội phạm hối lộ Hồng Kông).

7. Proceeds of Crime Act 2002 of Australia (POCA) (Đạo luật thu nhập từ hành vi phạm pháp năm 2002 của Úc).

8. Thái Hải, “9 tháng thu hồi hơn 11.387 tỷ đồng trong các vụ án tham nhũng, kinh tế”, <https://thanhtra.com.vn/phong-chong-tham-nhung/tin-tuc/9-thang-thu-hoi-hon-11-387-ty-dong-trong-cac-vu-an-tham-nhung-kinh-te-227421.html>, truy cập ngày 11/7/2024.

9. UNODC, Draft Country Review Report of Australia - Review by Iceland and Pakistan of the implementation by Australia of articles 5-14 and 51-59 of the United Nations Convention against Corruption for the review cycle 2016-2021.

10. Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC).

11. Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC).

**Theo Tạp chí Kiểm sát in số 03/2025**